

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2026/DS-ST
Ngày: 15/05/2026
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Liêm và ông Huỳnh Công
Cẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Toà án nhân dân khu vực
11-An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên
tòa:*** Bà Lê Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11-An
Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2025/TLST-DS ngày 08
tháng 10 năm 2025, về việc “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 147/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 04 năm
2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T2 (T3), trụ sở: Tòa nhà
T3, số E, phố L, Phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội (nay là Tòa nhà T3, số
E phố L, phường C, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch Hội
đồng Quản trị - T3

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Ông Nguyễn Văn Đ; ông Đặng
Chí B; ông Huỳnh Minh T; ông Nguyễn Minh K; ông Nguyễn Minh T1; địa chỉ:
A T, phường N, thành phố Cần Thơ, là đại diện ủy quyền (văn bản ủy ngày
08/7/2025); ông T có mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q, sinh năm 1984, Chứng minh nhân
dân 351743595 do Công an tỉnh A cấp ngày 19/02/2020; địa chỉ: ấp M, xã N,
tỉnh An Giang; vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Khoa N, sinh ngày 01/01/1985; địa chỉ: Số C khóm T, phường M, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T2 có văn bản trình bày: Bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q (sau đây gọi là "Khách hàng" đã ký kết với Ngân hàng TMCP T2 - T4 (T3) các Hợp đồng tín dụng sau đây: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 173/2021/HDTD/AGG/01 kỳ ngày 31/03/2021: Số tiền giải ngân: 170.000.000đồng; Mục đích vay: Bỏ sung vẫn lưu đồng trong thời gian sản xuất lúa; Thời hạn cho vay: 12 tháng (từ ngày 02/04/2022 đến ngày 01/04/2023); Ngày đề nghị giải ngân: 01/04/2022; Lãi suất cho vay:

+ Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 01/07/2022 là: 11,59%/năm;

+ Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 01/04/2023: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm KHCN 12 tháng của T3 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2,00%/năm;

Lãi suất nợ quá hạn được thể hiện theo hợp đồng là 150% lãi trong hạn.

Phí trả nợ trước hạn: miễn phí

2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 173/2031/HDBD/AGG/01 kỳ ngày 31/03/2021, cụ thể là:

Tài sản: Quyền và lợi ích phát sinh từ: Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 102; Địa chỉ thửa đất: Xã N, huyện C, An Giang (Nay là xã N, tỉnh An Giang). Diện tích 3657m² (Bằng chữ: Ba nghìn sáu trăm năm mươi hai mét vuông); hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 18/11/2022; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận quyền sử dụng như giao đất không thu tiền sử dụng đất

Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 066693, Số vào sổ cấp GCN: C504594 do Sở T5 cấp ngày 17/03/2021.

3. Sự kiện vi phạm: Khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với T3 kể từ ngày 05/08/2022 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay, dư nợ tạm tính đến ngày 09/7/2025 là 276.752.643đồng (trong đó: nợ gốc: 170.000.000đồng, lãi đến 09/7/2025 là 16.406.674đồng, lãi phạt quá hạn: 90.345.969đồng)

4. Quá trình thương lượng và giải quyết: Trong thời gian qua, T3 đã nhiều lần gọi điện đôn đốc, gửi thông báo, trực tiếp xuống làm việc với Khách hàng để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay nhưng không gặp được và

không có hồi âm từ phía khách hàng. Do việc Khách hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của T3 nên T3 tiến hành thủ tục khởi kiện để thu hồi nợ.

5. Đề nghị:

a) Buộc Bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho T3 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/7/2025 là 276.752.643đồng (trong đó: nợ gốc: 170.000.000đồng, lãi đến 09/7/2025 là 16.406.674đồng, lãi phạt quá hạn: 90.345.969đồng)

b) Yêu cầu tòa án tiếp tục cho tính lãi kể từ ngày 10/7/2025 theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay cho tới khi Bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q thanh toán hết nợ cho T3. Việc thanh toán toàn bộ các nghĩa vụ nêu trên được thực hiện một lần ngay sau khi Bản án Quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật.

c) Kể từ ngày Bản án Quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật, nếu Bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì T3 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 173/2021/HDBD/AGG/01 kỳ ngày 31/03/2021, cụ thể là: Tài sản: Quyền và lợi ích phát sinh từ: Thửa đất số: 30; Tờ bản đồ số: 102;

d) Toàn bộ khoản tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của Bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q tại T3; trường hợp khoản tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q vẫn có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ còn lại tại T3.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Minh T là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn, tính đến xét xử ngày 15/05/2026 Huỳnh Cao Thị Mỹ Q còn nợ vốn gốc là 170.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 16.406.674 đồng, lãi quá hạn là 118.271.096đồng; phạt chậm trả lãi 5.629.754 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q, ông Nguyễn Khoa N không gửi ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ, đề xuất: Công nhận hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân

hàng thương mại cổ phần T2 với Huỳnh Cao Thị Mỹ Q; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T2; Buộc bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T2 số tiền tính đến ngày 15/05/2026 là 310.307.524 đồng (trong đó bao gồm: nợ gốc 170.000.000 đồng, lãi trong hạn 16.406.674 đồng, lãi quá hạn 118.271.096 đồng, phạt chậm trả lãi 5.629.754 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày 15/05/2026 theo hợp đồng tín dụng số 173/2021/HDTD/AGG/01 ký ngày 31/03/2021 trên phần vốn gốc cho đến khi trả xong;

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 173/2021/HDBD/AGG/01 ký ngày 31/03/2021, là Diện tích đất 3657m², thửa số 30, tờ bản đồ số 102, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C504594 do Sở T5 cấp cho bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q ngày 17/03/2021. Trường hợp khoản tiền thu không đủ để thanh toán khoản nợ thì bà Q phải có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ còn lại cho đến khi trả xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần T2 khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dân sự với bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q. Bà Q có nơi cư trú trên địa bàn xã N. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q, ông Nguyễn Khoa N vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng thương mại cổ phần T2 khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q trả tiền nợ vay còn thiếu tính đến ngày 15/05/2026, bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q còn nợ số tiền vốn gốc 170.000.000 đồng. Theo hợp đồng, các bên đã tự nguyện giao kết, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định cho nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, do bà Q vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nên việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T2 đòi bà Q trả tiền vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ngân hàng thương mại cổ phần T2 khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q, phải trả lãi, Thấy rằng, theo hợp đồng, được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được thực hiện giải ngân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng thương mại cổ phần T2 khởi kiện yêu cầu tính lãi phát sinh, tính đến ngày xét xử ngày 15/05/2026, lãi trong hạn là 16.406.674 đồng, lãi quá hạn là 118.271.096 đồng; phạt chậm trả lãi 5.629.754 đồng. Theo hợp đồng tín dụng số 173/2021/HDTD/AGG/01 ký ngày 31/03/2021, được giao kết giữa các bên, theo đó các bên thỏa thuận lãi suất vay áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 01/07/2022 là: 11,59%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 01/04/2023: Lãi suất được

điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm KHCN 12 tháng của T3 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2,00%/năm; Lãi suất nợ quá hạn được thể hiện theo hợp đồng là 150% lãi trong hạn. Tiền lãi các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và phù hợp với án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016, nên yêu cầu tính lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần T2 đến ngày xét xử được Tòa án chấp nhận và tiền lãi phát sinh được tính kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi theo hợp đồng tín dụng.

[5] Đối với yêu cầu là kể từ ngày Bản án Quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật, nếu bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì T3 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 173/2021/HDBD/AGG/01 kỳ ngày 31/03/2021, cụ thể là: Tài sản: Quyền và lợi ích phát sinh từ: Thửa đất số: 30; Tờ bản đồ số: 102. Hội đồng xét xử xác định đây là việc xử lý tài sản bảo đảm. Theo văn bản hợp đồng thế chấp thì bà Q đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 173/2021/HDBD/AGG/01 kỳ ngày 31/03/2021 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T2 và bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 102; Địa chỉ thửa đất: Xã N, huyện C, An Giang (Nay là xã N, tỉnh An Giang). Diện tích 3657m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 066693, Số vào sổ cấp GCN: C504594 do Sở T5 cấp ngày 17/03/2021; Hợp đồng được Văn phòng C chi nhánh C1 vào sổ đăng ký thế chấp, vì vậy hợp đồng có hiệu lực pháp luật phù hợp quy định tại Điều 280, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho nên hợp đồng cần được Hội đồng xét xử duy trì để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Theo kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án, diện tích đất thế chấp, hiện do ông Nguyễn Khoa N thuê để nuôi cá, Tòa án đã đưa ông N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quá trình giải quyết, các đương sự không gửi ý kiến tranh chấp cho nên Tòa án không xem xét giải quyết giao dịch thuê đất trong vụ án này. Căn cứ Án lệ số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017 Tòa án dành cho người đang quản lý phần đất thế chấp được quyền ưu tiên nếu có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng).

[7] Về chi phí: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000đồng, Ngân hàng đã tạm nộp và Tòa án đã thực hiện. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu chi phí này. Căn cứ Điều 156, 157 và 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và phải hoàn trả cho người đã tạm nộp là Ngân hàng.

[8] Đối với yêu cầu trong trường hợp khoản tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q vẫn có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ còn lại tại T3... căn cứ vào thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng (mục 6,7) T3 có quyền xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của khách hàng để thu hồi nợ cho nên yêu cầu này của ngân hàng D Tòa án chấp nhận.

[9] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 280, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;
- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Các án lệ: Số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T2 và xử như sau:

1) Buộc bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T2 số tiền gồm các khoản sau: vốn gốc là 170.000.000đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 16.406.674 đồng (Bằng chữ: Mười sáu triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 118.271.096đồng (Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu hai trăm bảy mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng); phạt chậm trả lãi 5.629.754 đồng (Bằng chữ: Năm triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng).

2) Kể từ ngày 16/05/2026, bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T2 số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 173/2021/HDTD/AGG/01 ký ngày 31/03/2021.

3) Trong trường hợp bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 173/2021/HDTD/AGG/01 ký ngày 31/03/2021, thì Ngân hàng thương mại cổ phần T2 có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh An Giang xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật, để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất theo Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 102; Địa chỉ thửa đất: Xã N, huyện C, An Giang (Nay là xã N, tỉnh An Giang). Diện tích 3657m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 066693, Số vào sổ cấp GCN: C504594 do Sở T5 cấp ngày 17/03/2021.

Trong trường hợp khoản tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q vẫn có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ còn lại cho đến khi trả xong.

4) Dành cho ông Nguyễn Khoa N được quyền ưu tiên nếu có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng) diện tích đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 102; Địa chỉ thửa đất: Xã N, huyện C, An Giang (Nay là xã N, tỉnh An Giang). Diện tích 3657m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 066693, Số vào sổ cấp GCN: C504594 do Sở T5 cấp ngày 17/03/2021.

5) Về chi phí tố tụng: Buộc bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T2 số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu đồng).

6) Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Cao Thị Mỹ Q phải chịu án phí sơ thẩm là 15.515.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần T2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.918.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu chín trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai số 0003548 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

7) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hùng

